

Bản án số: **35 /2018/ HNGĐ-ST**

Ngày 10/07/2018

V/v: “*Không công nhận là vợ chồng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô , ông Phạm Đình Thìn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/07/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2018/HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2018 về việc Không công nhận là vợ chồng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/06/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ph, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Bị đơn Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Dương Thị Ph trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn, vì lúc đó bà cũng không nhớ vì sao không đi đăng ký kết hôn. Trước khi vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vào khoảng đầu năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, ông H đập phá đồ đạc, đánh chửi bà, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Hiện nay bà không có ý định đi làm thủ tục đăng ký kết hôn với ông H. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà đề nghị Tòa án công nhận bà và ông H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992

2. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994

3. Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002.

Hiện nay các con Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Ng đã trưởng thành không đề nghị giải quyết,

Con Nguyễn Thị Huyền Tr hiện nay đang đi học, bà xin được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Ph không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới ông, bà cũng không có ý định đi đăng ký kết hôn lại, quá trình chung sống ông, bà có mâu thuẫn, hiện nay bà Ph làm đơn đề nghị không công nhận ông và bà Ph là vợ chồng ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992
2. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994
3. Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002.

Hiện nay các con Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Ng đã trưởng thành không đề nghị giải quyết,

Con Nguyễn Thị Huyền Tr ông có nguyện vọng được nuôi con nếu con (Tr) đồng ý. Nếu con (Tr) không đồng ý ở với ông thì ông đồng ý cho con (Tr) ở với bà Ph.

* Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện sức khỏe yếu ông không thể đến Tòa án làm việc, ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Huyền Tr có ý kiến: Hiện nay cháu biết bố mẹ cháu đang làm đơn ly hôn, bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã B thì được cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị Ph tại sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã B lưu giữ cho đến nay không có tên bà ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị Ph có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn, sổ đăng ký kết hôn từ thời điểm năm 1990 thì hiện nay UBND xã không còn lưu giữ. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Ph đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Dương Thị Ph vẫn đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng, về con chung bà xin được nuôi con Nguyễn Thị Huyền Tr, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ph:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Dương Thị Ph, ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Ph nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002.

- Về án phí: Bà Dương Thị Ph chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ph cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện C. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Ph, ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1990. Trước khi cưới ông, bà được tự do tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Ph khai cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, hay đập phá đồ đạc, đánh đập bà. Quá trình giải quyết vụ án ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ph. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà Ph, ông H đều đề nghị Tòa án không công nhận bà Ph, ông H là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ph, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng ông H, bà Phượng có 03 con chung:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992
2. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994
3. Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002.

Hiện nay các con Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Ng đã trưởng thành không đề nghị giải quyết,

Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002 bà Ph có nguyện vọng được nuôi con chung, ông H có ý kiến ông xin được nuôi con nếu trường hợp con không đồng ý ở với ông thì ông đồng ý để bà Ph nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cháu Tr có nguyện vọng được ở với bà Ph. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Huyền Tr đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với bà Ph, hiện nay bà Ph có việc làm, có thu nhập ổn định, cháu Tr lại là con gái, theo quy định tại theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định: Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con”. Do vậy cần giao con Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 07/04/2002 cho bà Ph nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Ông H quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Ph không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Dương Thị Ph, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: bà Dương Thị Ph phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

Xử:

[1]. Không công nhận bà Dương Thị Ph, ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Ph nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 07/04/2002.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Ông H quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Bà Dương Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006540 ngày 07/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận bà Dương Thị Ph đã thi hành xong phần án phí DSST.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bà Ph có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKS TP.Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.Bắc Giang,
- UBND xã B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thu Hà

